TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐS
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST
Ngày: 29 - 09 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hằng

Bà Lê Thị Thủy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 08 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2023/QĐST-KDTM ngày 14/09/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ngân hàng **SGTT**

Địa chỉ: **X NKKN**, phường **VTS**, quận **B**, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thanh **D**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thanh **D**: Ông Nguyễn Huy **P**, chức vụ: Giám đốc chi nhánh ngân hàng **SGTT** tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Huy **P**: Bà Lê Thị **H**, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro, chi nhánh ngân hàng **SGTT** tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn:

Công ty **ĐXDPS**

Địa chỉ trụ sở: Thôn **HT** (trước đây là thôn **HL**), xã **ĐP**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá **T**, chức vụ: Giám đốc.

Nơi cư trú: Thôn **HT** (trước đây là thôn **HL**), xã **ĐP**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 21/06/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/2/2016 Ngân hàng **SGTT** ký hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1603500032 với công ty **ĐXDPS** với tổng mức tín dụng được cấp là 324,000,000đ, mục đích vay là bổ sung vốn mua xe ô tô, thời hạn cho vay là 60 tháng; kể từ ngày 04/02/2016 khi công ty được nhận tiền vay; lãi suất cho vay 12 tháng đầu tiên là 8,99%/năm, thời điểm trả hết nợ là 31/01/2021; kỳ trả lãi là ngày 02 hàng tháng (nếu ngày trả lãi rơi vào các ngày nghỉ, ngày lễ thì ngày thu lãi được thoả thuận là ngày làm việc tiếp theo); phương thức tính lãi: số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính theo số dư nợ thực tế mỗi ngày, số ngày thực tế mỗi tháng nhân với lãi suất cho vay; tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 13 kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất của toàn bộ dư nợ sau sẽ được ngân hàng điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân; kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của ngân hàng có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 4%/năm, ngân hàng được quyền tự động xác định định kỳ điều chỉnh lãi suất và mức lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh;

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA 05 chỗ, số loại MORNING, màu sơn vàng, số máy G4LAFP136305, số khung 51A4FC069523, biển kiểm soát 36A-182.60 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021433 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 02/02/2016.

Thời gian đầu công ty **ĐXDPS** thực hiện nghĩa vụ thanh toán tương đối đều đặn. Kể từ ngày 04/5/2019 Công ty **ĐXDPS** đã không thanh toán nợ vay đúng hạn cho ngân hàng. Vi phạm hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ban Lãnh đạo công ty, tuy nhiên đến nay

vẫn chưa thanh toán được hết các khoản nợ và có biểu hiện chây ì, vi phạm các điều khoản trả gốc, lãi của hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 04/05/2019 thì Công ty **ĐXDPS** đã trả được 210.600.000 đồng tiền gốc và 77.109.658 đồng tiền lãi.

Căn cứ Điều 19 Hợp đồng tín dụng số LD1603500032 ngày 04/2/2016 với nội dung " khi xảy ra tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này thì các bên ưu tiên giải quyết trên cơ sở thương lượng, trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng thì một trong các bên có quyền đưa ra Toà án có thẩm quyền giải quyết, Ngân hàng có toàn quyền lựa chọn Toà án nơi có trụ sở chính, phòng giao dịch của ngân hàng nêu tại hợp đồng này hoặc của một Toà án khác theo sự lựa chọn của nguyên đơn để khởi kiện theo quy định của pháp luật"

Vì những lý do nêu trên Ngân hàng **SGTT** đề nghị Toà án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hoá giải quyết những vấn đề sau đây đối với công ty **ĐXDPS**

- Đề nghị Toà án buộc công ty **ĐXDPS** phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền mà công ty **ĐXDPS** vay tại ngân hàng theo Giấy nhận nợ số LD1603500032 ngày 04/02/2016 bao gồm:

+ Gốc còn lại: 113,400.000đ *(một trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*

+ Lãi trong hợp đồng: 42.356.609đ *(bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm linh chín đồng)*

+ Lãi quá hạn: 20.570.774đ *(hai mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng)*

Tổng là 176.327.383đ *(một trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi ba đồng)* và lãi phát sinh *(theo hợp đồng)* cho đến khi xét xử và tất toán khoản nợ.

- Trong trường hợp công ty **ĐXDPS** không thanh toán cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện **ĐS** kê biên phát mại tài sản thế chấp là là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA 05 chỗ, số loại MORNING, màu sơn vàng, số máy G4LAFP136305, số khung 51A4FC069523, biển kiêm soát 36A-182.60 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021433 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 02/02/2016.

2. Bị đơn Công Ty **ĐXDPS** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi trong hợp đồng và chỉ yêu cầu số tiền lãi trong hợp đồng là 12.290.669đ, làm tròn là 12.290.000đ *(mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).*

- Đối với số tiền lãi quá hạn tính đến ngày hôm nay 29/09/2023 là 79,274.043đ, làm tròn là 79.274.000đ *(bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng).*

Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến 29/09/2023 là 204.964.000đ *(hai trăm linh bốn triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng)* và lãi phát sinh *(theo hợp đồng)* cho đến khi xét xử và tất toán khoản nợ.

- Bị đơn Công Ty **ĐXDPS** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc **T** theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

- *Về thủ tục tố tụng:*

+ Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

+ Việc **T** theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Bá **T** đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm điều 70 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ các Điều 342, 343; khoản 5, khoản 7 Điều 351; 355; 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng **SGTT** đối với công ty **ĐXDPS**: Buộc Công ty **ĐXDPS** thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng **SGTT** tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/09/2023 là là 204.964.*000đ (hai trăm linh bốn triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng)*, (trong đó bao gồm: nợ gốc là 113,400.000đ *(một trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*, nợ lãi trong hạn là 12.290.000đ *(mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/09/2023 là 79.274.000đ (*bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày 30/09/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1603500032 ngày 04/2/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp Công ty **ĐXDPS** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên theo Quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng **SGTT** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA 05 chỗ, số loại MORNING, màu sơn vàng, số máy G4LAFP136305, số khung 51A4FC069523, biển kiêm soát 36A-182.60 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021433 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 02/02/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp thu hồi/phát mại tài sản nêu trên nhưng không đủ thanh toán toàn bộ nợ thì Công ty **ĐXDPS** có trách nhiệm trả nợ tiếp cho Ngân hàng **SGTT** cho đến khi trả hết khoản nợ nêu trên.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty **ĐXDPS** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **ĐS** tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Xét bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Thôn **HT** (trước đây là thôn **HL**), xã **ĐP**, huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công Ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh: 0301103908-036 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp; Quyết định ủy quyền thực hiện ký hợp đồng thỏa thuận, văn bản tham gia tố tụng số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27-12-2021 và Giấy ủy quyền số 97/GUQ-CNTH ngày 31-12-2021, bà Lê Thị Hoa được đại diện Ngân hàng **SGTT** tham gia tố tụng.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về tiền nợ gốc:

Xét lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn còn nợ số tiền gốc là 113,400.000đ *(một trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".*

Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số LD1603500032, ngày 04/2/2016, các bảng sao kê, các Thông báo của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, chấp nhận lời khai của nguyên đơn.

2. Về tiền lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Trong trường hợp khách hàng không Trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có*

quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng". Xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 04/6/2019, nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại khoản 2 phụ lục của hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty **ĐXDPS** thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng **SGTT** tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/09/2023 là là 204.964.*000đ (hai trăm linh bốn triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng)*, (trong đó bao gồm: nợ gốc là 113,400.000đ *(một trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*, nợ lãi trong hạn là 12.290.000đ *(mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/09/2023 là 79.274.000đ (*bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*)

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày 30/09/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

4. Về tài sản bảo đảm :

Căn cứ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LD1603500032, ngày 04/2/2016, có cơ sở xác định 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA 05 chỗ, số loại MORNING, màu sơn vàng, số máy G4LAFP136305, số khung 51A4FC069523, biển kiêm soát 36A-182.60 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021433 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 02/02/2016; chủ xe là Công ty **ĐXDPS** đã thế chấp cho Ngân hàng **SGTT** để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền vay nêu trên.

Xét hình thức và nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản số số LD1603500032, ngày 04/2/2016 xuất phát từ sự tự nguyện, không Trái pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ Điều 4 của hợp đồng thế chấp tài sản và khoản 7 Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Trong trường hợp Công Ty **ĐXDPS** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên theo Quyết định của Tòa

án, thì Ngân hàng **SGTT** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA 05 chỗ, số loại MORNING, màu sơn vàng, số máy G4LAFP136305, số khung 51A4FC069523, biển kiêm soát 36A-182.60 để thu hồi nợ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 342, 343; khoản 5, khoản 7 Điều 351; 355; 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty **ĐXDPS** thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng **SGTT** tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/09/2023 là là 204.964.*000đ (hai trăm linh bốn triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng)*, (trong đó bao gồm: nợ gốc là 113,400.000đ *(một trăm mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*, nợ lãi trong hạn là 12.290.000đ *(mười hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)* và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 29/09/2023 là 79.274.000đ (*bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày 30/09/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1603500032 ngày 04/2/2016. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp Công ty **ĐXDPS** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên theo

Quyết định của Tòa án, thì Ngân hàng **SGTT** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA 05 chỗ, số loại MORNING, màu sơn vàng, số máy G4LAFP136305, số khung 51A4FC069523, biển kiêm soát 36A-182.60 theo chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021433 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 02/02/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp thu hồi/phát mại tài sản nêu trên nhưng không đủ thanh toán toàn bộ nợ thì Công ty **ĐXDPS** có trách nhiệm trả nợ tiếp cho Ngân hàng **SGTT** cho đến khi trả hết khoản nợ nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty **ĐXDPS** phải chịu 10.248.000 *(mười triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*.

Ngân hàng **SGTT** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng **SGTT** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.408.000đ *(bốn triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng)*, theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005607 ngày 19/08/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện **ĐS**, tỉnh Thanh Hóa.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng **SGTT** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, Công ty **ĐXDPS** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện **ĐS**;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện **ĐS**;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Hằng **Lê Thị Thủy** **Nguyễn Thanh Tân**